TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 174/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P, ngày 13 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 181/2020/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa:

Chị Lê Thị Đ, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn L, xã Cát T, huyện P, tỉnh Bình Định.

Anh Phùng Văn T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T.
2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T thuận tình ly hôn .

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T thống nhất có: 01 ngôi nhà cấp 4 cất trên thủa đất số 724, tờ bản đồ số 20 với diện tích 1053,6 m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác) và một số đồ làm mộc, dụng cụ sửa điện, dụng cụ làm cơ khí, một số gỗ mít, gỗ bạch đàn, cây bạch đàn đang trồng trên đất chưa có giấy tờ trị giá 115.000.000 đồng ; 10.000.000 đồng anh Tình đang quản lý, 01 chiếc xe mô tô biển số: 77E 1-233.88, 01 bàn tròn nhỏ 10 chiếc ghế và 1.200 viên đá chẻ trị giá 6.000.000 đồng, 02 bàn tròn lớn cùng với ghế, 01 bàn chữ U và 04 ghế.

Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận giao:

2.3.1. Giao cho anh Phùng Văn T một số đồ máy móc dùng làm gỗ, dụng cụ làm cơ khí, gỗ mít, gỗ bạch đàn, một số cây bạch đàn trị giá 115.000.000 đồng giao cho anh Phùng Văn T trọn quyền sử dụng và sở hữu và anh T đang quản lý 10.000.000đ (tổng cộng anh T quản lý 125.000.000 đồng) 01 bàn tròn nhỏ và 10 chiếc ghế và 01 chiếc xe mô tô biển số 77E1-233.88, 01 tủ đúng;

2.3.2. Giao cho chị Lê Thị Đ 1.200 viên đá chẻ trị giá 6.000.000 đồng, 02 bàn tròn cùng với ghế, 01 bàn chữ U và 04 ghế, 01 chiếc xe mô tô biển số 77H 1-9799 (chị Lê Thị Đ đang quản lý), 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 chiếc gường, trọn quyền sở hữu và anh Phùng Văn T giao cho chị Lê Thị Đ 59.500.000đ các bên giao nhận xong.

2.3.3. Giao cho chị Lê Thị Đ 489,5m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở và 389,5 m^2 đất trồng cấy hàng năm khác) trên thủa đất số 724, tờ bản đồ số 20 và giao cho anh Phùng Văn T 564,1m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 464,1 m^2 đất trồng cấy hàng năm khác) trên thủa đất số 724, tờ bản đồ số 20 phần tài sản nằm trên diện tích đất người nào người đó được quyền sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất bản chính anh T đang quản lý, khi chị Đ yêu cầu anh T phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho chị Đ đi tách thửa)*

Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T được quyền liên hệ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật .

2.4. Về án phí HNST: Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T mỗi người tự nguyện chịu 75.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Chị Lê Thị Đ đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí HNST theo biên lai thu tiền số: 0007406 ngày 08/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nay được khấu trừ và hoàn trả cho chị Đ 525.000 đồng.

2.5. Về chi phí xem xét,đo đạt hết 6.500.000 đồng, Chị Lê Thị Đ và anh Phùng Văn T mỗi người tự nguyện chiu 3.250.000 đồng, chị Đ và anh T đã nộp tạm ứng 3.250.000 đồng nên được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Bình Định;
-VKS cùng cấp(02B);
-Các đương sự;
-THA huyện P;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn;
-UBND xã T.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đức